

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-PT

Ngày: 15-4-2021.

V/v tranh chấp yêu cầu hủy hợp
đồng tặng cho QSDĐ và tranh
chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ; bà Phan Thị Mai Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 109/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị Ngọc G, sinh năm 1983, cư trú tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lưu Thị Ngọc G: Bà Trần Thị X, sinh năm 1970, cư trú tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lưu Thị Ngọc G: Luật sư Phạm Văn T, của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bảo Minh Lý, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Ông Trần Thanh L, sinh năm 1958.

+ Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1960.

Cùng cư trú tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.
(ông L vắng mặt, bà X có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X:
Anh Lê Phước Y, sinh năm 1995, cư trú tại: khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1975.

+ Bà Trần Thị G1, sinh năm 1960.

+ Bà Trần Thị X, sinh năm 1970.

Cùng cư trú tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Ng và bà Trần Thị G1: Bà Trần Thị X, sinh năm 1970, cư trú tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (bà Ng, bà G1, bà X có mặt)

+ Anh Lưu Thanh H, sinh năm 1970, cư trú tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Anh Lưu Thanh G2, sinh năm 1986, cư trú tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Anh Lưu Thanh S, sinh năm 1975, cư trú tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1977, thường trú tại: xã GB (nay là phường GB), huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh, tạm trú: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th, Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tiết Văn Th: Bà Trần Thị Ngọc Th1, Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Ngọc Th1: Ông Châu Thành T1, Giám đốc Phòng Giao dịch Khu vực HN, thuộc Chi nhánh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:*

- + Chị Lưu Thị Ngọc G là nguyên đơn.
- + Bà Trần Thị G1, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Ngọc G và người đại diện theo ủy quyền của chị G là bà Trần Thị X trình bày:

Chị G là con của bà Trần Thị A, là cháu ngoại của cụ Trần Văn Bùng và cụ Lê Thị Ánh.

Cụ Bùng và cụ Ánh có 05 người con chung, gồm: Bà Trần Thị Ánh, ông Trần Thanh L, bà Trần Thị G1, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng.

Cụ B chết 1996, cụ A1 chết năm 2011, không để lại di chúc.

Bà Trần Thị A chết vào năm 2013, không để lại di chúc, chồng bà A là ông Lưu Thanh H1 chết năm 1992. Bà A có 04 người con, gồm: Chị Lưu Thị Ngọc G, anh Lưu Thanh H, anh Lưu Thanh G2, anh Lưu Thanh S.

Tài sản của cụ B và cụ A1 có được là 266 m² đất tọa lạc tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01533 ngày 29-03-1994, cụ B đứng tên. Khi còn sống cụ B và cụ A1 đã chuyển nhượng một phần, diện tích còn lại là 162 m², trên đất có ngôi nhà cấp 4C của cụ B và cụ A1.

Sau khi cụ B chết, vào ngày 11-4-2007, cụ A1 và các con gồm bà Trần Thị G1, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng phần đất nêu trên cho ông Trần Thanh L và vợ ông L là bà Nguyễn Thị Kim X, hợp đồng có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, ông L, bà X được Ủy ban nhân dân thị xã TN (nay là thành phố TN) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H0172/HN ngày 19-04-2007.

Chị G cho rằng khi lập hợp đồng tặng cho không có mặt mẹ chị là bà Trần Thị A là hợp đồng vô hiệu, làm ảnh hưởng đến quyền thừa kế của bà A đối với di sản của cụ B.

Mẹ chị G là bà A đã chết, cha chị G là ông Lưu Thanh H1 cũng đã chết, với tư cách là người thừa kế của bà A chị G khởi kiện yêu cầu như sau:

- + Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có chứng thực ngày 11-4-2007 giữa bên tặng cho là cụ Lê Thị A1, bà Trần Thị G1, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng và bên được tặng cho là vợ chồng ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Chia thừa kế di sản của cụ B và cụ A1 để lại cho 05 người con của các cụ, trong đó chị G và anh em chị G gồm anh Lưu Thanh H, anh Lưu Thanh G2, anh Lưu Thanh S được hưởng phần của bà Ánh được chia, yêu cầu chia bằng giá trị.

- Bị đơn ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim X do anh Lê Phước Y đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông L thống nhất với chị G về những người thừa kế của cụ B và cụ A1.

Thống nhất nhà đất là tài sản của cha mẹ là cụ B và cụ A, ông L sống chung với cha mẹ, đến năm 1976 kết hôn với bà X và vợ chồng sống chung với cha mẹ trên nhà đất này.

Sau khi cụ B chết, vào ngày 11-04-2007, cụ B bà X, bà Ng, bà G1 cùng vợ chồng ông L đến Ủy ban nhân dân phường HN lập hợp đồng tặng cho đất cho vợ chồng ông L, lúc bấy giờ bà A đã có chồng, sống riêng nên không ký tên vào hợp đồng tặng cho nhưng thực tế bà A biết và đồng ý việc tặng cho nên không tranh chấp, không thắc mắc, khiếu nại gì và ông L, bà X đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007.

Cũng trong năm 2007, ông L, bà X xây sửa ngôi nhà cũ của cụ B, cụ A1 với chi phí 60.000.000 đồng. Năm 2014 làm lại nhà bếp, nhà vệ sinh, hầm chứa nước thải với chi phí 20.000.000 đồng.

Năm 2019 ông L, bà X thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, tại Phòng Giao dịch Khu vực HN, thuộc Chi nhánh TN để vay số tiền 350.000.000 đồng, vẫn chưa đến hạn trả nợ.

Ông L, bà X không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị G.

Trong quá trình hòa giải, ông L, bà X tự nguyện giao cho bà X, bà Ng, bà G1 và các con của bà Ánh mỗi phần 160.000.000 đồng nhưng sau đó ông L, bà X thay đổi ý kiến và tại phiên tòa sơ thẩm chỉ chấp nhận giao cho các con bà a 160.000.000 đồng, không giao cho bà X, bà Ng, bà G1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị X trình bày:

Bà thống nhất với chị G, ông L về người thừa kế của cụ B và cụ A1.

Về việc bà và bà Ng, bà G1 ký tên trong hợp đồng tặng cho đất cho ông L, bà X là có thật nhưng bị ông L lừa dối là ký để ông L, bà X thế chấp vay vốn Ngân hàng, tại thời điểm ký hợp đồng tặng cho thì cụ A1 không minh mẫn vì cụ Ánh thường xuyên bị bệnh, hợp đồng tặng cho không hợp pháp.

Nhà, đất từ khi cha mẹ chết, bà và bà Ng, bà G1 vẫn ở, sử dụng, sau đó bà đi sống nơi khác, hiện nay có bà G1, bà Ng và chồng bà Ng là ông Trần Ngọc Q đang ở.

Bà thống nhất với yêu cầu của chị G, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất đối với ông L, bà X, chia thừa kế tài sản của cụ Bùng và cụ Ảnh theo quy định pháp luật.

Yêu cầu chia cho ông L và các con bà A bằng giá trị, chấp nhận thanh toán cho ông L $\frac{1}{2}$ giá trị di sản. Giao nhà đất cho bà và bà Ng, bà G1 tiếp tục sử dụng để thờ cúng.

Bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị G1 ủy quyền cho bà tham gia tố tụng, ý kiến của bà cũng là ý kiến của bà Ng, bà G1.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:** Anh Lưu Thanh H, anh Lưu Thanh G2, anh Lưu Thanh S là con bà Ánh là anh em của chị G, thống nhất theo yêu cầu của chị G.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Ngọc Q yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày:**

Ông kết hôn với bà Trần Thị Ng vào năm 2002, có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, ấp Bình Nguyên, xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, nhưng đang tạm trú tại nhà của cha mẹ vợ là ngôi nhà chị G đang tranh chấp. Ông không yêu cầu gì, mọi vấn đề do bà Ng quyết định.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam do ông Châu Thành Tâm đại diện theo ủy quyền yêu cầu xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày:**

Ngày 15-5-2019, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại Phòng Giao dịch Khu vực HN có cho ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim X vay vốn theo hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 5700LAV201903939 vay số tiền 350.000.000 đồng; lãi suất 11,2%/năm; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 14-5-2024, phương thức trả từng lần 06 tháng/ kỳ tiền vốn và lãi. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H01720/HN ngày 19-4-2007, do ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X đứng tên, đất thuộc thửa 13, tờ bản đồ số 15, có diện tích 162 m², tọa lạc tại: Khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 184/2019/HĐTC ngày 14-5-2019, có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15-5-2019.

Đến thời điểm hiện tại ông L, bà X chưa vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu độc lập. Đề nghị Tòa án xem xét không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

- **Tài sản tranh chấp qua đo đạc, định giá xác định như sau:**

+ Đất diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 162 m²,

diện tích thực tế sử dụng là 151,8 m², giá trị 1.669.800.000 đồng.

+ Tài sản trên đất: Nhà cấp 4C diện tích 60,6 m² x 588.000 đồng = 35.632.800 đồng; mái che giá trị 1.206.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 36.838.800 đồng.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 109/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế của chị Lưu Thị Ngọc G đối với ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim X.

Ghi nhận ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim X tự nguyện thanh toán cho chị Lưu Thị Ngọc G, anh Lưu Thanh H, anh Lưu Thanh G2, anh Lưu Thanh S tổng số tiền 160.000.000 đồng tương ứng với phần thừa kế của bà Trần Thị Ánh, cụ thể chị G, anh H, anh G2, anh S mỗi người 40.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, chị Lưu Thị Ngọc G kháng cáo, ngày 23-02-2021 kháng cáo bổ sung, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất đối với ông L, bà X, chia thừa kế nhà, đất của cụ Bùng, cụ Ảnh thành 05 phần bằng nhau cho chị và anh em chị hưởng một phần vì trong đó có tài sản của ông ngoại chị là cụ Trần Văn Bùng.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị X, bà Trần Thị G1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Chị Lưu Thị Ngọc G (do bà Trần Thị X đại diện theo ủy quyền), bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị G1, bà Nguyễn Thị Kim X, ông Trần Thanh L (do anh Lê Phước Y đại diện theo ủy quyền) đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Giữ nguyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Lê Thị A1, bà Trần Thị G1, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng đối với ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X, do Ủy ban nhân dân phường HN chứng thực ngày 12-4-2007, Số chứng thực: 122, quyền số: 02 TP/CC-SCT/HĐGD.

Ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X được sử dụng 151,8 m² đất, thuộc thửa 13, tờ bản đồ số 15, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H01720/HN ngày 19-4-2007, do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố TN) cấp, ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X đứng tên, diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 162 m², đất tọa lạc tại: Khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

Đất và tài sản trên đất do bà Trần Thị G1, bà Trần Thị Ng và ông Trần Ngọc Q đang quản lý, có nghĩa vụ giao cho ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X.

Ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X phải thanh toán cho những người con của bà Trần Thị Ánh, gồm: Chị Lưu Thị Ngọc G, anh Lưu Thanh H, anh Lưu Thanh G2, anh Lưu Thanh S 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng; thanh toán cho bà Trần Thị G1 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng.

Các đương sự không tranh chấp đối với Hợp đồng tín dụng số: 5700LAV201903939 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 184/2019/HĐTC ngày 14-5-2019 có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15-5-2019, giữa ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại Phòng Giao dịch Khu vực HN, Chi nhánh Tây Ninh.

+ *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, chị Lưu Thị Ngọc G:* Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lưu Thị Ngọc G (do bà Trần Thị X đại diện theo ủy quyền), bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị G1, bà Nguyễn Thị Kim X, ông Trần Thanh L (do anh Lê Phước Y đại diện theo ủy quyền) đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án và của người khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Các đương sự không tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 5700LAV201903939 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 184/2019/HĐTC

ngày 14-5-2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15-5-2019 giữa ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại Phòng Giao dịch Khu vực HN, Chi nhánh TN nên ghi nhận.

[3] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

- Chị Lưu Thị Ngọc G tự nguyện chịu 8.000.000 đồng chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp, đã nộp xong nên ghi nhận.

- Bà Trần Thị X tự nguyện chịu 10.411.000.000 đồng chi phí giám định chữ ký của bà X, bà Ng, bà G1 trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông L, bà X, đã nộp xong nên ghi nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Ông L, bà X, bà G1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị G, anh H, anh G2, anh S pH chịu án phí trên giá trị tài sản được chia theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, cụ thể là: Giá trị tài sản chị Lưu Thị Ngọc G, anh Lưu Thanh H, anh Lưu Thanh G2, anh Lưu Thanh S được chia là 160.000.000 đồng, án phí pH chịu là 160.000.000 đồng $\times 5\% = 8.000.000$ đồng.

[6] Về án phí phúc thẩm:

+ Chị Lưu Thị Ngọc G, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng mỗi người phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

+ Bà Trần Thị G1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 109/2020/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Lưu Thị Ngọc G (do bà Trần Thị X đại diện theo ủy quyền), bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng, bà Trần Thị G1, bà Nguyễn Thị Kim X, ông Trần Thanh L (do anh Lê Phước Y đại diện theo ủy quyền) tại phiên tòa phúc thẩm. Sự thỏa thuận cụ thể như sau:

- Giữ nguyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Lê Thị A1, bà Trần Thị G1, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Ng đối với ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X, do Ủy ban nhân dân phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh chứng thực ngày 12-4-2007, Số chứng thực: 122, quyền số: 02 TP/CC-SCT/HĐGD.

- Ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X được sử dụng 151,8 m² đất, thuộc thửa 13, tờ bản đồ số 15, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H01720/HN ngày 19-4-2007, do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố TN) cấp, ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X đứng tên, diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 162 m² (có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đo đạc bản đồ Bình An lập, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TN xác nhận ngày 08-8-2019) kèm theo bản án, đất tọa lạc tại: khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

Đất và tài sản trên đất do bà Trần Thị G1, bà Trần Thị Ng và ông Trần Ngọc Q đang quản lý, có nghĩa vụ giao cho ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X.

- Ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X phải thanh toán cho những người con của bà Trần Thị Ánh, gồm: Chị Lưu Thị Ngọc G, anh Lưu Thanh H, anh Lưu Thanh G2, anh Lưu Thanh S 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng; thanh toán cho bà Trần Thị G1 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng.

- Ghi nhận các đương sự không tranh chấp đối với Hợp đồng tín dụng số: 5700LAV201903939 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 184/2019/HĐTC ngày 14-5-2019, có đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15-5-2019, giữa ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, tại Phòng Giao dịch Khu vực HN, Chi nhánh Tây Ninh.

Kể từ ngày chị Lưu Thị Ngọc G, anh Lưu Thanh H, anh Lưu Thanh G2, anh Lưu Thanh S, bà Trần Thị G1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X chưa thanh toán đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng ông L, bà X còn phải trả cho họ tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về chi phí tố tụng khác:

+ Chị Lưu Thị Ngọc G tự nguyện chịu 8.000.000 (tám triệu) đồng chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp, đã nộp xong.

- Bà Trần Thị X tự nguyện chịu 10.411.000 (mười triệu bốn trăm mười một nghìn) đồng chi phí giám định chữ ký của bà X, bà Ng, bà G1 trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông L, bà X, đã nộp xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim X, bà Trần Thị G1 được miễn.

+ Chị Lưu Thị Ngọc G, anh Lưu Thanh H, anh Lưu Thanh G2, anh Lưu Thanh S phải liên đới chịu 8.000.000 (tám triệu) đồng, được trừ vào 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0007161 ngày 13-6-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, số tiền còn lại PH nộp là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm:

+ Chị Lưu Thị Ngọc G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001090 ngày 11-01-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Trần Thị X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001093 ngày 11-01-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Trần Thị Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001092 ngày 11-01-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Trần Thị G1 được miễn, hoàn trả cho bà Trần Thị G1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001091 ngày 11-01-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.TN;
- TAND thành phố TN;
- Chi cục THADS thành phố TN ;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Thị Đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Đồng